TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU NGANG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 08 - 4 - 2019
"V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Sĩ
2. Bà Thạch Thị Yến Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Bích Vân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn An- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 91/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2019 về việc "*Ly hôn và tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/3/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Trần Thị Út C, sinh năm 1980 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp C, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Bùi Thanh P, sinh năm 1973 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp C, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/10/2018, các lời khai cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn Trần Thị Út C trình bày và có yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Vào năm 1997 chị và anh Bùi Thanh P tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, đến năm 2004 có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc đến khoảng năm 2016 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn do anh P không lo gia đình hay uống rượu và còn ghen vô cớ nên vợ chồng cải vả, anh P đánh chị nhiều lần, anh P còn làm ảnh hưởng đến công việc mua bán của chị do đó chị và anh P đã sống riêng từ đầu

năm 2019 đến nay. Nay chị C thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn với anh Bùi Thanh P.

- Về con chung tên Bùi Thị Phương T, sinh ngày 27/02/1999, Bùi Thị Anh T, sinh ngày 24/6/2004 và Bùi Thị Huyền T, sinh ngày 25/8/2007. Đối với Phương T hiện đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết; đối với Anh T và Huyền T, chị C yêu cầu được nuôi; Về cấp dưỡng nuôi các con chị C không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung của vợ chồng: Chị C không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

- Về số tiền nợ phải thu, phải trả: Chị C không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Quá trình giải quyết, cũng như tại phiên tòa bị đơn Bùi Thanh P trình bày như sau:

- Về hôn nhân: Anh P thống nhất về thời gian chung sống đến năm 2004 có đăng ký kết hôn, quá trình sống chung có mâu thuẫn như chị Trần Thị Út C trình bày, hiện nay anh và chị C đã ly thân. Sau khi sống riêng anh P có tìm cách hàn gắn lại và sửa đổi tính tình nhưng chị C không đồng ý. Nay anh P xác định còn thương chị C nên không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh P thống nhất trình bày của chị C, đối với con chung tên Phương T hiện đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết; đối với Anh T và Huyền T để tùy theo nguyện vọng của các con; Về cấp dưỡng nuôi con, anh P không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung của vợ chồng: Anh P đồng ý không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

- Về số nợ phải thu, phải trả: Anh P không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Về thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần phiên họp, thành phần hòa giải và thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều thực hiện đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tống đạt đầy đủ, hợp lệ cho các đương sự; tuy nhiên xét thấy việc chấp hành pháp luật của bị đơn tại phiên hòa giải là chưa đúng.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho chị C ly

hôn với anh P. Về con chung tên Bùi Thị Anh T, sinh ngày 24/6/2004 và Bùi Thị Huyền T, sinh ngày 25/8/2007 đề nghị giao chị C được quyền nuôi dưỡng theo nguyện vọng của Anh T và Huyền T. Về tài sản chung và số nợ phải thu, phải trả không tranh chấp nên đề nghị không xét. Về án phí hôn nhân sơ thẩm đề nghị buộc chị C phải nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Xét đơn khởi kiện của chị Trần Thị Út C khởi kiện tranh chấp ly hôn và tranh chấp nuôi con đối với anh Bùi Thanh P; địa chỉ tại ấp C, xã M, huyện C nên xác định quan hệ tranh chấp là "*Ly hôn và tranh chấp nuôi con*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về hôn nhân: Xét thấy giữa chị Trần Thị Út C và anh Bùi Thanh P chung sống có đăng ký kết hôn đúng quy định pháp luật. Căn cứ vào Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình xác định hôn nhân của chị C và anh P là hợp pháp.

Quá trình chung sống giữa chị C và anh P phát sinh mâu thuẫn do không có sự tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau dẫn đến cải vả, xô xát, hiện anh chị không còn chung sống với nhau. Chị C xác định tình cảm vợ chồng không hàn gắn được; anh P thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn nhưng anh còn thương chị C nên không đồng ý ly hôn. Xét thấy, sau khi chị C và anh P không còn chung sống với nhau đến nay thì mỗi người có cuộc sống riêng, anh P hứa sửa đổi tính tình, nhiều lần tìm cách hàn gắn lại nhưng chị C không đồng ý và Tòa án đã nhiều lần hòa giải, động viên đoàn tụ nhưng không thành. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị C và anh P ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Út C.

[3] Về con chung: Xét thấy trong quá trình chung sống giữa chị C và anh P có các con chung tên Bùi Thị Phương T, sinh ngày 27/02/1999, Bùi Thị Anh T, sinh ngày 24/6/2004 và Bùi Thị Huyền T, sinh ngày 25/8/2007.

Đối với Bùi Thị Phương T hiện đã thành niên, chị C và anh P không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Đối với Bùi Thị Anh T và Bùi Thị Huyền T có nguyện vọng sống chung với chị Trần Thị Út C. Xét thấy, trong thời gian nuôi con là Anh T và Huyền T thì chị C đảm bảo cuộc sống của các con ổn định về vật chất, tinh thần. Anh P không tranh chấp về việc nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, cần giao các chung tên Huyền T và anh Anh T cho chị C được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con

sau khi ly hôn là đảm bảo cuộc sống của con và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án chị C và anh P không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án chị C và anh P không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về số nợ phải thu, phải trả: Chị C và anh P không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Trần Thị Út C phải nộp 300.000 đồng theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 235, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 05 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị Út C.

- ***Về hôn nhân***: Cho chị Trần Thị Út C được ly hôn với anh Bùi Thanh P.

- ***Về nuôi con chung***: Giao chị Trần Thị Út C được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Bùi Thị Anh T, sinh ngày 24/6/2004 và Bùi Thị Huyền T, sinh ngày 25/8/2007.

Anh Bùi Thanh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- ***Về án phí hôn nhân sơ thẩm***: Chị Trần Thị Út C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0019294 ngày 15 tháng 02 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang. Chị C đã nộp đủ.

- ***Về quyền kháng cáo***: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Thoa